

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ HÀN

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ

1. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là Toán cao cấp, Tiếng Anh và Sức bền vật liệu.

1.1. Về văn bằng

QUY ƯỚC MÃ NHÓM ĐỐI TƯỢNG HỌC VIÊN

Đối tượng	Ngành học đại học	Chương trình đại học*		
		5 năm (≥ 155 TC)	4,5 năm (141÷155 TC)	4 năm (128÷141TC)
Ngành đúng	Kỹ thuật cơ khí “định hướng Công nghệ hàn”, Kỹ thuật hàn, Công nghệ hàn và các ngành tương đương	A1.1	A1.2	A1.3
Ngành phù hợp	Kỹ thuật cơ khí không thuộc định hướng “công nghệ hàn”, Công nghệ chế tạo máy, Cơ điện tử, Kỹ thuật cơ-điện tử, Kỹ thuật tàu thủy và các ngành tương đương	B1.1	B1.2	B1.3
Ngành gần	Cơ khí động lực, Cơ khí giao thông, Cơ khí xây dựng, Máy tàu biển, Kỹ thuật hàng không, Cơ kỹ thuật và các ngành tương đương	C1.1	C1.2	C1.3

* Phải thỏa mãn cả 2 yêu cầu về thời gian và số tín chỉ
Các đối tượng khác do Viện Cơ khí quyết định khi xét duyệt hồ sơ.

1.2. Về thâm niên công tác

Đối với chương trình đào tạo **Thạc sỹ kỹ thuật**: không yêu cầu có thâm niên công tác

Đối với chương trình đào tạo **Thạc sỹ khoa học**:

- + Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.
- + Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo (có xác nhận của nơi làm việc).

1.3. Bổ sung kiến thức

Danh mục các học phần bổ sung trong bảng 1 và danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể trong bảng 2.

Bảng 1: Danh mục học phần bổ sung

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Kiến thức bổ	ME4024	Công nghệ hàn nóng chảy I	2	2(2-0-1-4)

sung (8TC)	ME4283	Thiết bị hàn hồ quang	2	2(2-0-1-4)
	ME4104	Kết cấu hàn I	2	2(2-1-0-4)
	ME4064	Bảo đảm chất lượng hàn	2	2(2-0-1-4)

Bảng 2: Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Đối tượng	Số TC bổ sung (thuộc bảng 1)	Ghi chú
1	Đối tượng nhóm A	0	Không phải học bổ sung
2	Đối tượng nhóm B	Tối đa 8	Viện Cơ khí quyết định các học phần bổ sung khi xét duyệt hồ sơ
3	Đối tượng nhóm C	8	

1.4. Miễn học phần:

Danh mục các đối tượng được xét miễn học phần cụ thể trong bảng 4.

Bảng 4: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Đối tượng	Số TC được miễn	Các HP được miễn thuộc “Danh mục các học phần” ở mục 6.2 (*)
1	A1.1	22	22 TC trong số: - Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (12 TC) - Kiến thức cơ sở tự chọn (10 TC)
2	A1.2	16	16 TC trong số: - Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (12 TC) - Kiến thức cơ sở tự chọn (10 TC)
3	A1.3	12	12 TC trong số: - Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (12 TC) - Kiến thức cơ sở tự chọn (10 TC)
4	B1.1	Tối đa 12	12 TC trong số: - Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (12 TC) - Kiến thức cơ sở tự chọn (10 TC)
5	B1.2	Tối đa 8	8 TC trong số: - Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (12 TC) - Kiến thức cơ sở tự chọn (10 TC)
6	B1.3	Tối đa 6	6 TC trong số: - Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (12 TC) - Kiến thức cơ sở tự chọn (10 TC)
7	C1.1, C1.2, C1.3	0	Không miễn

* Các học phần được miễn do Viện Cơ khí quyết định khi xét duyệt hồ sơ.

Các đối tượng khác do Viện Cơ khí quyết định khi xét duyệt hồ sơ.